**TÒA ÁN NHÂN DÂN** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**HUYỆN CHƠN THÀNH** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2019
Về việc: *"Tranh chấp Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Vũ Đình Kiên
*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Việt Thành
2. Ông Nguyễn Đức Hoài

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:***Ông Nguyễn Văn Toản – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 58/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/3/2019 vềviệc tranh chấp *"Ly hôn"*theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 51/2019/QĐXX-ST ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1981;
*Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu S, sinh năm 1971;
Cùng cư trú: Tổ B, ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.
Chị H, anh S có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị Htrình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Hữu S kết hôn từ năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là huyện C, tỉnh Bình Phước) theo đúng quy định pháp luật. Việc chung sống của hai người là tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại tổ 3, ấp 6, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và có 02 con chung tên Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 12/9/2001 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 03/01/2012. Từ năm 2002 đến tháng 12 năm 2018,vợ chồng anh S, Chị H chung sống hạnh phúc nhưng đầu năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho tới tận bây giờ. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau. Anh S coi thường và có những lời lẽ không hayvới Chị H và gia đình Chị H. Anh S thường xuyên ăn nhậu rồi về nhàkiếm chuyện xúc phạm và đánh Chị H. Hiện nay, Chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng và hai người sống ly thân đã lâu, vợ chồng không thể hàn gắn và đoàn tụ để chung sống nuôi dạy con cái nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình thụ lý Chị H yêu cầu giao con chung Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 12/9/2001 cho anh S và giao cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 03/01/2012 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ngày 04/7/2019Chị H rút yêu cầu của mình,không yêu cầu Tòa án giải quyếtvề con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Về tài sản chung: Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Trong quá trình giải quyết vụ ánbị đơn anh Nguyễn Hữu S trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh S thống nhất với trình bày của Chị H về việc tự nguyện kết hôn và thời gian chung sống hạnh phúc. Anh S thừa nhận vợ chồng có những mâu thuẫn, anh có đánh Chị H và bị chính quyền địa phương nhắc nhở, hòa giải, hiện nay hai người sống ly thân với nhau. Tuy nhiên, anh S không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn của hai vợ chồng có thể hàn gắn, đoàn tụ để chung sống với nhau hạnh phúc, cùng nuôi dạy con chung trưởng thành.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 12/9/2001 và Nguyễn Hữu H, sinh ngày 03/01/2012.Trong quá trình giải quyết vụ án: Anh S đề nghị trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh S yêu cầu giao hai con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, ngày 04/7/2019 anh S thống nhất với Chị H vợ chồng tự thỏa thuậnvà không yêu cầu Tòa án giải quyếtvề con chung, cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung và tài sản chung: Trường hợp vợ chồng phải ly hôn, Anh S đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn chị Lê Thị H giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh S;Không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung, tài sản chung.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu Sgiữ nguyên ý kiến của mình không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, nợ chung, tài sản chung.

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành:***

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; các đương sự đã được Tòa án thực hiện các hoạt động tố tụng đảm bảo quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Mâu thuẫn gia đình anh S, Chị H là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đã không còn. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H. Tuyên xử: Chị H được ly hôn với anh S; Đình chỉ giải quyết yêu cầu về con chung của nguyên đơn chị Lê Thị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của các đương sự, Tòa án nhận định:*

**[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự trong đó các đương sự *"Tranh chấp ly hôn"*do chị Lê Thị H đứng đơn khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu S. Anh S có nơi cư trú tại tổ 3, ấp 6, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**[2].Về nội dung tranh chấp:**

[2.1].Về quan hệ hôn nhân:Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hữu S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là huyện C, tỉnh Bình Phước) theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 quyển số 01 ngày 07/01/2002. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối hay đe dọa và đúng quy định pháp luật. Do đó,chị Lê Thị H và anh Nguyễn Hữu S là vợ chồng hợp pháp.

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất được việc vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và hiện nay đang sống ly thân. Chị H cho rằng: Vì không còn tình cảm với anh S và đã mất niềm tin ở chồng nên không muốn đoàn tụ vợ chồng, yêu cầu được ly hôn với anh S. Anh  Nguyễn Hữu S giữ nguyên ý kiến của mình không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ gia đình.

Xét quan hệ hôn nhân của Chị H và anh S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án đãnhiều lần triệu tập anh S, Chị H để hòa giải nhằm mục đích hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng việc hòa giải đoàn tụ không thành do Chị H kiên quyết yêu cầu ly hôn.Chị cho rằng chị không thể sống chung với người chồng nóng giận mất kiểm soát là đánh vợ, nhiều lần có lời nói xúc phạm đến gia đình vợ, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn. Anh S thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và bị Công an địa phương đến gia đình nhắc nhở về hành vi đánh và chửi vợ. Việc mâu thuẫn của vợ chồng Chị H, anh S trong quan hệ sinh sống hàng ngày cũng được các con Chị H và anh S xác nhận.Như vậy, cuộc sống hôn nhân của Chị H, anh S là có nhiều mâu thuẫn, tình trạng mâu thuẫn gia đình trầm trọng, các bên sống ly thân với nhau đã lâu (từ tháng 5 năm 2019) nên mục đích hôn nhân chung sống hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, Chị H yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vào ngày 04/7/2019 Chị H rút yêu cầu khởi kiện về việc giải quyết con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, vợ chồng Chị H, anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc Chị H rút một phần yêu cầu là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự,Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyếtmột phần yêu cầu khởi kiện của Chị Hvề việc giải quyết con chung,cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ khoản 1Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Áp dụngcác Điều 51, 56, 57Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Điều 25 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về "Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.*

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H. Chị Lê Thị H được ly hôn vớianh Nguyễn Hữu S.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc con chung và cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn giữa nguyên đơn chị Lê Thị H và bị đơn anh Nguyễn Hữu S.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009909, quyển số 000199 ngày 07/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị H, bị đơn anh Scó quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh Bình Phước;*
*- VKSND huyện Chơn Thành;*
*- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;*
*-UBND xã M;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Đình Kiên**

| | |
|---|---|
| **CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** | **THẨM PHÁN –<br>CHỦ TỌA PHIÊN TÒA** |
| **Nguyễn Việt Thành – Nguyễn Đức Hoài** | **Vũ Đình Kiên** |